

LĨNH VỰC NHẠC NỀN - SỬ DỤNG TÁC PHẨM ÂM NHẠC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

(Phát bản ghi âm, ghi hình thông qua nền tảng internet hoặc phương tiện kỹ thuật như: Máy phát nhạc, Youtube, Sportify, Zingmp3, Nhaccuatui... hoặc sử dụng trong kinh doanh karaoke...)

1	Tư cách chủ thể của Trung tâm/VCPMC	Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ	2. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện các hoạt động sau đây theo ủy quyền bằng văn bản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan: a) Thực hiện việc quản lý quyền tác giả, quyền liên quan; đàm phán cấp phép, thu và phân chia tiền bản quyền , các quyền lợi vật chất khác từ việc cho phép khai thác các quyền được ủy quyền;
2	Căn cứ thực hiện nghĩa vụ quyền tác giả	Điểm b khoản 1 Điều 26 Luật SHTT	Điều 26. Giới hạn quyền tác giả 1. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền , phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm bao gồm: b) Trường hợp tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại thì tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình này trong hoạt động kinh doanh, thương mại không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm đó theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Chính phủ quy định chi tiết các hoạt động kinh doanh, thương mại quy định tại điểm này.
		Khoản 1 Điều 34 Nghị định 17/2023/NĐ-CP	Điều 34. Sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan 1. Sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Luật Sở hữu trí tuệ; bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để sử dụng tại nhà hàng, quán cà phê, khách sạn, cửa hàng, siêu thị; khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại; câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ; cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke; quán bar, vũ trường; trong hoạt động hàng không, giao thông công cộng và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự.
		Khoản 4 Điều 35 Nghị định 17/2023/NĐ-CP	Điều 35. Trả tiền bản quyền trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan 4. Tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 1 Điều 34 của Nghị định này không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì phải trả tiền bản quyền theo biểu mức quy định tại Phụ lục II của Nghị định này

			hoặc khởi kiện tại tòa án theo quy định của pháp luật. Trường hợp không trả tiền bản quyền trong thời hạn 90 ngày kể từ khi sử dụng thì phải dừng việc tiếp tục sử dụng.
3	Căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả	Khoản 3 Điều 28 Luật SHTT	Điều 28. Hành vi xâm phạm quyền tác giả 3. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các điều 25, 25a và 26 của Luật này.
		Điểm 1 khoản 1 Điều 66 Nghị định 17/2023/NĐ-CP	Điều 66. Xác định yếu tố xâm phạm quyền tác giả 1. Hành vi xâm phạm quyền tác giả có thể thuộc một trong các dạng sau đây: 1) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm pháp lý quy định tại các điều 25, 25a và 26 của Luật Sở hữu trí tuệ;
4	Xử phạt hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả	Điều 38 Nghị định 341/2025/NĐ-CP	1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.
			2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại hoặc bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong nhà hàng, quán cà phê, khách sạn, cửa hàng, siêu thị, khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại; câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ, hàng không, giao thông công cộng và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15.
			4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan khi sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại hoặc bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, quán bar, vũ trường và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 và khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15.

BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI SỬ DỤNG TÁC PHẨM ÂM NHẠC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ)

Mức lương cơ sở 2,530,000

Số tiền bản quyền chi trả (tính theo năm) = Mức lương cơ sở x Hệ số điều chỉnh

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		I - NHẠC NỀN					
		Đến 15 m ²	Thành tiền	Từ trên 15 m ² đến 50 m ²	Thành tiền	Trên 50 m ²	Thành tiền
Quán cà phê - giải khát (tính theo tổng diện tích/năm)		Hệ số điều chỉnh là 0,35/15 m ² /năm	885,500	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,04/m ² /năm	101,200	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,02/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 8 x Mức lương cơ sở)	50,600
Nhà hàng, phòng hội thảo, hội nghị (tính theo tổng diện tích/năm)		Đến 50 m ²	Thành tiền	Từ trên 50 m ² đến 100 m ²	Thành tiền	Trên 100 m ²	Thành tiền
		Hệ số điều chỉnh là 2,0/50 m ² /năm	5,060,000	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,05/m ² /năm	126,500	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,03/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 8 x Mức lương cơ sở)	75,900
Cửa hàng, showroom (tính theo tổng diện tích/năm)		Đến 50 m ²	Thành tiền	Từ trên 50 m ² đến 100 m ²	Thành tiền	Trên 100 m ²	Thành tiền
		Hệ số điều chỉnh là 0,35/50 m ² /năm	885,500	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,008/m ² /năm	20,240	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,006/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 5 x Mức lương cơ sở)	15,180
Câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ (tính theo tổng diện tích/năm)		Đến 50 m ²	Thành tiền	Từ trên 50 m ² đến 100 m ²	Thành tiền	Trên 100 m ²	Thành tiền
		Hệ số điều chỉnh là 0,5/50 m ² /năm	1,265,000	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,011/m ² /năm	27,830	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,009/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 10 x Mức lương cơ sở)	22,770
Cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke phòng, karaoke box (tính theo số phòng hoặc box/năm, tùy thuộc vào diện tích phòng)	Số phòng	Đến 20 m ²	Thành tiền	Trên 20 m ² đến 30 m ²	Thành tiền	Trên 30 m ²	Thành tiền
	* Từ 1 đến 4 phòng	Hệ số điều chỉnh là 1,5/phòng/năm	3,795,000	Hệ số điều chỉnh là 1,6/phòng/năm	4,048,000	Hệ số điều chỉnh là 1,7/phòng/năm	4,301,000
	* Từ phòng thứ 5 đến phòng thứ 10	Hệ số điều chỉnh là 1,2/phòng/năm	3,036,000	Hệ số điều chỉnh là 1,28/phòng/năm	3,238,400	Hệ số điều chỉnh là 1,36/phòng/năm	3,440,800
	* Từ phòng thứ 11 trở đi	Hệ số điều chỉnh là 1,05/phòng/năm	2,656,500	Hệ số điều chỉnh là 1,12/phòng/năm	2,833,600	Hệ số điều chỉnh là 1,19/phòng/năm	3,010,700
	Karaoke box: hệ số điều chỉnh là 0,85/box/năm (không tùy thuộc vào diện tích)						2,150,500

	Đến 50 m ²	Thành tiền	Từ trên 50 m ² đến 200 m ²	Thành tiền	Trên 200 m ²	Thành tiền	
Quán bar, bistro, club, vũ trường (tính theo tổng diện tích/năm)	Hệ số điều chỉnh là 2,35 - 4,0/50 m ² /năm	5,945,500	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,06/m ² /năm	151,800	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,05/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 27 x Mức lương cơ sở)	126,500	
Khách sạn, cơ sở lưu trú du lịch (tính theo loại khách sạn/năm)	4 - 5 sao (hoặc tương đương)	Thành tiền	1 - 3 sao (hoặc tương đương)	Thành tiền			
	0,03/phòng/năm	75,900	0,02/phòng/năm	50,600			
	* Các dịch vụ khác (nhà hàng, bar, karaoke, hồ bơi, phòng tập thể dục, massage, spa, lobby, bãi xe, khu mua sắm, vui chơi...) thuộc khuôn viên thì áp dụng tương ứng các mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Phụ lục này.						
	Đến 200 m ²	Thành tiền	Từ trên 200m ² đến 500m ²	Thành tiền	Trên 500 m ²	Thành tiền	
Khu vui chơi, giải trí (tính theo tổng diện tích/năm)	Hệ số điều chỉnh là 0,7/200 m ² /năm	1,771,000	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,003/m ² /năm	7,590	Cứ mỗi m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,001/m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 12 x Mức lương cơ sở)	2,530	
* Các dịch vụ thuộc khuôn viên thì áp dụng tương ứng các mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Phụ lục này							
	Đến 200 m ²	Thành tiền	Từ trên 200m ² đến 500m ²	Thành tiền	Trên 500 m ²	Thành tiền	
Trung tâm thương mại, Cao ốc văn phòng (tính theo tổng diện tích/năm)	Hệ số điều chỉnh là 1,5 cho 200 m ²	3,795,000	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,3/100m ² /năm	759,000	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,2/100 m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 50 x Mức	506,000	
* Các dịch vụ thuộc khuôn viên thì áp dụng tương ứng các mục 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Phụ lục này							
	Đến 500 m ²	Thành tiền	Từ trên 500m ² đến 1000m ²	Thành tiền	Trên 1000 m ²	Thành tiền	
Siêu thị (tính theo tổng diện tích/năm)	Hệ số điều chỉnh là 1,25 cho 500 m ²	3,162,500	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,3/100 m ² /năm	759,000	Cứ mỗi 100 m ² tăng thêm thì hệ số điều chỉnh là 0,2/100 m ² /năm (Số tiền bản quyền tối đa trong một năm là: 10 x Mức	506,000	

Theo **Điều 33 - Nghị định 134/2026/NĐ-CP** (sửa đổi, bổ sung **Nghị định 17/2023/NĐ-CP**), biểu mức tiền bản quyền áp dụng quy định phân loại đô thị như sau:

- **Hà Nội và TP.HCM:** Áp dụng **100%** khung giá.
- **Đô thị loại I** (Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Huế , Đồng Nai, Quảng Ninh): Áp dụng **80%** khung giá.
- **Đô thị loại II:** Áp dụng **50%** khung giá.
- **Đô thị loại III:** Áp dụng **20%** khung giá.
- **Vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn:** Áp dụng **10%** khung giá.